# HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



# BÁO CÁO BÀI TẬP LỚN HỌC PHẦN: THỰC TẬP CƠ SỞ MÃ HỌC PHẦN: INT13147

ĐÈ TÀI: Xây dựng website đặt vé xem phim BHD Star.

Nhóm sinh viên thực hiện:

B22DCCN469 – Hoàng Văn Khởi B22DCCN505 – Phạm Thành Long

Tên lớp: nhóm 25

Giảng viên hướng dẫn: ThS.Bùi Văn Kiên HÀ NỘI 2025

# MỤC LỤC

MŲC LŲC	2
DANH SÁCH HÌNH VĒ	4
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN	5
1.1 Giới thiệu về đề tài	5
1.2 Lý do chọn đề tài	5
1.3 Mục đích và ý nghĩa	5
1.4 Đặt bài toán	5
1.4.1 Chức năng	5
1.4.2 Yêu cầu đặt ra	6
1.5 Các công nhệ sử dụng	6
CHƯƠNG 2. PHÂN TÍCH HỆ THỐNG	8
2.1 Mục đích và phạm vi	8
<b>2.1.1</b> Mục đích	8
<b>2.1.2</b> Phạm vi	8
2.2 Ai làm gì	8
2.3 Cách chức năng hoạt động thế nào (các usecase chi tiết)	8
2.3.1 Chức năng đặt vé xem phim cho khách hàng	8
2.3.2 Các chức năng thêm sửa xóa, xem phía backend	
2.4 Mô tả biểu đồ usecase	11
2.4.1 Usecase tổng quan cho toàn bộ hệ thống	11
2.4.2 Usecase chi tiết cho từng usecase con	13
2.5 Kịch bản chuẩn và ngoại lệ	17
2.5.1 Kịch bản chuẩn cho modul đặt vé của khách hàng	17
2.5.2 Kịch bản chuẩn cho usecase thêm lịch chiếu	19
2.5.3 Kịch bản chuẩn cho usecase quản lý category	21
2.5.4 Kịch bản chuẩn cho usecase quản lý theater	21
2.5.5 Kịch bản chuẩn cho usecase quản lý foodcombo	22
CHƯƠNG 3. THIẾT KẾ HỆ THỐNG	24
3.1 Lớp thiết kế cho từng usecase	24

3.1.1 Lớp thiết kế cho module đặt vé của khách hàng	24
3.1.2 Biểu đồ thiết kế CSDL	25
3.1.3 Thiết kế lớp chi tiết cho module quản lý category	26
3.1.4 Thiết kế lớp chi tiết cho module quản lý foodcombo	27
3.1.5 Thiết kế lớp chi tiết cho module lên lịch chiếu	29
3.2 Biểu đồ tuần tự pha thiết kế của modul	31
3.2.1 Thiết kế sơ đồ tuần tự đặt vé của khách hàng	31
3.2.2 Thiết kế sơ đồ tuần tự module quản lý rạp phim	33
3.2.3 Thiết kế sơ đồ tuần tự module quản lý category	35
3.2.4 Thiết kế sơ đồ tuần tự module quản lý foodcombo	36
3.2.5 Thiết kế sơ đồ tuần tự cho module lên lịch chiếu	38
3.3 Thiết kế database cho project	39
CHƯƠNG 4. CÀI ĐẶT VÀ THỬ NGHIỆM HỆ THỐNG	39
4.1 Modul booking tickets	39
4.2 Modul manage list foodcombo	42
4.3 Module manage list category:	45
4.4 Module manage list theater:	48
4.5 Quản lý phim và lịch chiếu của các bộ phim đó:	52

# DANH SÁCH HÌNH VỄ

Hình 1 – Biểu đồ Usecase tổng quan	12
Hình 2 – Biểu đồ Usecase model booking tickets	13
Hình 3 – Biểu đồ Usecase modul manage list combo	14
Hình 4 – Biểu đô Usecase modul manage list category	15
Hình 5 – Biểu đồ Usecase modul manage list theater	
Hình 6 – Biểu đồ Usecase Quản lý phim và lịch chiếu của các bộ phim	17
Hình 7 – Lớp thiết kế cho module đặt vé của khách hàng	25
Hình 8 – Thiết kế lớp chi tiết cho modul	26
Hình 9 – Thiết kế lớp chi tiết cho module quản lý category	27
Hình 10 - Thiết kế lớp chi tiết cho module quản lý foodcombo	28
Hình 11 – Thiết kế lớp chi tiết cho module lên lịch chiếu	30
Hình 12 – Sơ đồ tuần tự đặt vé của khách hàng	31
Hình 13 – Sơ đồ tuần tự module quản lý rạp phim	33
Hình 14 – 2.3 Thiết kế sơ đồ tuần tự module quản lý category	35
Hình 15 – Thiết kế sơ đồ tuần tự module quản lý foodcombo	36
Hình 16 – Thiết kế sơ đồ tuần tự cho module lên lịch chiếu	38
Hình 17 – Database	39

### **CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN**

### 1.1 Giới thiệu về đề tài

Trong bối cảnh công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ, thương mại điện tử và các dịch vụ trực tuyến ngày càng trở nên phổ biến. Các hệ thống website không chỉ là công cụ giao dịch mà còn là nền tảng để quản lý, phân tích dữ liệu và nâng cao trải nghiệm người dùng. Đề tài xây dựng Website Quản lý Rạp chiếu phim và Đặt vé trực tuyến nhắm đến việc phát triển một hệ thống trực tuyến tích hợp, cho phép người dùng dễ dàng tìm kiếm thông tin phim, đặt vé, chọn ghế, và mua combo đồ ăn, đồng thời hỗ trợ quản lý hiệu quả các hoạt động của rạp chiếu phim. Website được xây dựng với giao diện thân thiện, tính năng thông minh, và khả năng đáp ứng trên nhiều thiết bị, đáp ứng nhu cầu của cả khách hàng và quản trị viên.

### 1.2 Lý do chọn đề tài

Sự phổ biến của Internet và các thiết bị di động đã thay đổi cách con người tiếp cận dịch vụ giải trí, đặc biệt là xem phim tại rạp. Khách hàng ngày càng ưa chuộng việc tìm kiếm thông tin phim, lịch chiếu, và đặt vé trực tuyến thay vì đến trực tiếp rạp. Bên cạnh đó, các rạp chiếu phim cần một hệ thống quản lý tập trung để xử lý thông tin phim, suất chiếu, ghế ngồi, và đơn hàng một cách hiệu quả. Việc phân tích dữ liệu từ hành vi người dùng (như sở thích phim, suất chiếu phổ biến) cũng giúp các rạp tối ưu hóa chiến lược kinh doanh. Đề tài được chọn nhằm đáp ứng nhu cầu này, đồng thời tích hợp các tính năng thông minh như tìm kiếm phim, xem trailer, và quản lý khuyến mãi để nâng cao trải nghiệm người dùng.

### 1.3 Mục đích và ý nghĩa

**Mục đích**: xây dựng một website chuyên biệt cho ngành rạp chiếu phim, hỗ trợ quản lý và đặt vé trực tuyến. Từ đó tăng cường trải nghiệm người dùng thông qua giao diện thân thiện, responsive, và các tính năng như tìm kiếm phim, gợi ý suất chiếu, và xem trailer và hỗ trợ các rạp chiếu phim quản lý thông tin phim, rạp, suất chiếu, và đơn hàng một cách hiệu quả. Đưa thương hiệu rạp chiếu phim đến gần hơn với khách hàng thông qua các chương trình khuyến mãi và tính năng tương tác.

Ý nghĩa: đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về các dịch vụ giải trí trực tuyến, đặc biệt trong lĩnh vực xem phim. Từ đó tạo ra một sản phẩm công nghệ thực tiễn, có giá trị ứng dụng cao, giúp các rạp chiếu phim tối ưu hóa quy trình quản lý và kinh doanh và rèn luyện kỹ năng phát triển phần mềm, từ thiết kế giao diện đến lập trình backend và quản lý cơ sở dữ liệu, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

### 1.4 Đặt bài toán

Đề tài đặt ra bài toán: Xây dựng một website quản lý rạp chiếu phim và đặt vé trực tuyến với đầy đủ các chức năng cơ bản và một số tính năng nâng cao, đáp ứng nhu cầu của cả khách hàng và quản trị viên

#### 1.4.1 Chức năng

Dựa trên khảo sát các hệ thống đặt vé trực tuyến nổi tiếng như CGV, Lotte Cinema, và ý kiến từ giáo viên, bạn bè, website cần có các chức năng chính sau:

- Quản lý phim: Hiển thị danh sách phim đang chiếu và sắp chiếu; hỗ trợ CRUD (thêm, sửa, xóa, xem chi tiết) thông tin phim (tên, thời lượng, đạo diễn, diễn viên, thể loại, ngày khởi chiếu, hình ảnh, trailer).
- Quản lý rạp chiếu: Hỗ trợ CRUD thông tin rạp (tên, địa chỉ, số điện thoại, email, chính sách).
- Quản lý suất chiếu: Thêm, sửa, xóa suất chiếu cho từng phim; hiển thị lịch chiếu theo phim hoặc rạp; quản lý ghế ngồi (standard, VIP, couple).
- Đặt vé: Cho phép khách hàng chọn phim, rạp, suất chiếu, ghế ngồi, và combo đồ ăn; thực hiên thanh toán và xuất vé.

#### 1.4.2 Yêu cầu đặt ra

Hệ thống được chia thành hai phần chính:

#### **❖** Phần khách hàng:

- Giao diện thân thiện, responsive, thay đổi linh hoạt theo sự kiện (khuyến mãi, ngày lễ).
- Hiển thị danh sách phim, lịch chiếu, và thông tin rạp; hỗ trợ tìm kiếm phim và xem trailer.
- Quy trình đặt vé: chọn phim → chọn rạp → chọn suất chiếu → chọn ghế → đặt combo đồ ăn → thanh toán → xuất vé.
- Trang phản hồi để thu thập ý kiến khách hàng.

### ❖ Phần quản trị:

- Quản lý thông tin phim, rạp, suất chiếu, và đơn hàng (CRUD).
- Thống kê doanh thu, suất chiếu phổ biến, và tình trạng ghế ngồi.
- Giao diện quản trị đơn giản, dễ sử dụng, hỗ trợ tùy chỉnh menu động.

### 1.5 Các công nhệ sử dụng

Website quản lý rạp chiếu phim và đặt vé trực tuyến được xây dựng bằng các công nghệ hiện đại, đảm bảo hiệu suất và trải nghiệm người dùng tối ưu. Cụ thể:

- **Vue 3**: Framework JavaScript nhẹ, dùng để xây dựng giao diện tương tác với Composition API và reactivity mạnh mẽ.
- **Bootstrap 5**: Framework CSS hỗ trợ giao diện responsive, cung cấp grid system và components sẵn có.
- Laravel: Framework PHP mạnh mẽ, quản lý backend và xử lý logic nghiệp vụ như đặt vé, quản lý phim.

- MySQL: Hệ quản trị cơ sở dữ liệu lưu trữ thông tin phim, rạp, suất chiếu, và đơn hàng.
- Axios: Thư viện HTTP client, hỗ trợ giao tiếp giữa frontend và backend qua API.
- **Vue-router**: Thư viện định tuyến, quản lý điều hướng giữa các trang như danh sách phim, lịch chiếu.
- **Swiper**: Thư viện JavaScript tạo slider responsive, hiển thị hình ảnh phim và khuyến mãi.
- **Vue-toastification:** Thư viện hiển thị thông báo toast, cải thiện trải nghiệm người dùng.

# CHƯƠNG 2. PHÂN TÍCH HỆ THỐNG

#### 2.1 Mục đích và phạm vi

#### 2.1.1 Muc đích

- Phát triển một ứng dụng web cho phép khách hàng có thể đặt trước vé, thêm đồ ăn vào giỏ hàng và gửi mail xác thực cho người dùng. Cho phép quản trị viên quản lý thêm sửa xóa các bộ phim, các lịch chiếu,rạp phim,thể loại, đồ ăn, khuyến mãi.

#### 2.1.2 Pham vi

- Kiểu ứng dụng : một trang web trực tuyến.
- Phạm vi áp dụng:
  - Những người có truy cập trang web trực tuyến.+++
  - Quản trị viên sau khi đăng nhập vào hệ thống.
- Phạm vi người dùng:
  - Khách hàng.
  - Nhân viên quản trị hệ thống.
- Phạm vi chức năng:
  - Cho phép đặt trước vé xem phim.
  - Cho phép thêm sửa xóa các chức năng như lịch chiếu, rạp phim, thể loại, phim, đồ ăn, khuyến mãi.

### 2.2 Ai làm gì

- Nhân viên quản lý:
  - Cho phép quản lý thêm sửa xóa, tạo, chỉnh sửa các chức năng phía backend
- Khách hàng:
  - Có thể xem các bộ phim đang được khởi chiếu, sắp được khởi chiếu.
  - Có thể xem lịch chiếu bộ phim đang được khởi chiếu.
  - Có thể đặt lịch chiếu các bộ phim và các dịch vụ liên quan.

### 2.3 Cách chức năng hoạt động thế nào (các usecase chi tiết)

### 2.3.1 Chức năng đặt vé xem phim cho khách hàng

Sau khi khách hàng đăng nhập vào hệ thống. Khách hàng sẽ chọn một bộ phim đang trong khu "Đang khởi chiếu" ấn vào bô phim mình muốn chon.

- Giao diện trang chủ sẽ có danh sách các bộ phim "Đang khởi chiếu" và danh sách các bộ phim "Sắp khởi chiếu" và danh sách" Khuyến mãi", navbar và footer.

- "navbar" gồm danh sách các chức năng: vào xem các bộ phim đang khởi chiếu, xem lịch chiếu theo rạp, lịch chiếu phim, xem đồ ăn combo, xem các khuyến mãi, xem hệ thống rạp.
- "Đang khởi chiếu" gồm danh sách các bộ phim đang được khởi chiếu trên cùng một hàng có thanh trượt để di chuyển.
- "Sắp khởi chiếu" gồm danh sách các bộ phim sắp được khởi chiếu trên cùng một hàng có thanh trượt để di chuyển.
- "Khuyến mãi" gồm danh sách các đồ ăn được khuyến mãi trên cùng một hàng có thanh trượt để di chuyển.
- "footer": phần giới thiệu tổng quan về web

Sau khi click vào phim muốn chọn thì sẽ hiện ra màn hình chính có danh sách lịch chiếu hiện tai.

- Giao diện hiện lên bên trái bao gồm:
  - Bên trên: phía trên là phần thông tin giới thiệu về phim
  - Bên dưới: là lịch chiếu của bộ phim đó
- Giao diện hiện lên bên phải: một lịch chiếu khi ấn vào ngày nào sẽ hiện ra lịch chiếu ngày đó.

Sau khi chọn vào một lịch chiếu cụ thể thì sẽ hiện ra danh sách các ghế đã được chọn, chưa được chọn cho khách hàng đặt.

- Giao diện hiện lên bên trái:
  - Bên trên là thông tin của phim
  - Bên dưới là thông tin về ghế : các ghế nào đã đặt rồi có màu đỏ
- Giao diện bên phải là:
  - Số tiền đã đặt cho vé xem phim
  - Nút "tiếp" để chuyển sang bước sau

Sau khi ấn "tiếp" thì sẽ chuyển đến dịch vụ đồ ăn

- Giao diện hiện lên sẽ là danh sách các đồ ăn bên tay trái người dùng sẽ nhấn để thêm vào, bên phải là nút "tiếp" để chuyển sang trang sau .

Sau khi người dùng ấn "tiếp" chuyển sang bước thanh toán.

- Giao diện hiện lên là thông tin các dịch vụ đã đặt, giá tiền và nút xác nhận.

Sau khi ấn xác nhận sẽ gửi mail về cho khách hàng.

#### 2.3.2 Các chức năng thêm sửa xóa, xem phía backend

#### a. Xem, thêm, xóa chức năng category

Người dùng chọn "category" trên thanh navbar.

- Giao diện hiện là danh sách các thể loại thêm, bên cạnh có nút xóa thể loại và bên trên có nút thêm mới.

Người dùng chọn chức năng năng xóa:

1. Hệ thống hiện lên và hỏi người dùng có chắc muốn xóa không. Người dùng chọn 'có" thực hiện và xóa danh mục

Người dùng chọn chức năng thêm mới:

2. Hệ thống hiện lên giao diện tạo mới gồm ô nhập dữ liệu category. Nhập và ấn lưu sẽ thêm thể loại vào cơ sở dữ liệu

#### b. Xem thêm sửa xóa danh sách các rap

Người dùng chọn "Theater" trên thanh navbar.

- Giao diện hiện là danh sách các rạp thêm, bên cạnh có nút xóa rạp và bên trên có nút thêm mới.

Người dùng chọn chức năng năng xóa:

1. Hệ thống hiện lên và hỏi người dùng có chắc muốn xóa không. Người dùng chọn 'có" thực hiện và xóa rap.

Người dùng chọn chức năng thêm mới:

2. Hệ thống hiện lên giao diện tạo mới gồm ô nhập dữ liệu các rạp. Nhập và ấn lưu sẽ thêm vào cơ sở dữ liệu

Người dùng chọn chức năng sửa:

3. Hệ thống hiện lên các thông tin về rạp đã có. Người dùng sẽ thay đổi các thông tin muốn thay đổi và ấn lưu sau đó sẽ cập nhật vào cơ sở dữ liệu

### c. Chức năng xem, thêm sửa xóa đồ ăn cho rạp phim

Người dùng chọn "FoodCombo" trên thanh navbar.

- Giao diện hiện là danh sách các đồ ăn cho rạp, bên cạnh có nút xóa đồ ăn và bên trên có nút thêm mới.

Người dùng chọn chức năng năng xóa:

1. Hệ thống hiện lên và hỏi người dùng có chắc muốn xóa không. Người dùng chọn 'có" thực hiện và xóa đồ ăn.

Người dùng chon chức năng thêm mới:

2. Hệ thống hiện lên giao diện tạo mới gồm ô nhập dữ liệu các rạp. Sao đó sẽ tiến hành chọn rạp mà mình muốn thêm. Nhập và ấn lưu sẽ thêm vào cơ sở dữ liệu

Người dùng chọn chức năng sửa:

3. Hệ thống hiện lên các thông tin về rạp đã có. Người dùng sẽ thay đổi các thông tin muốn thay đổi và ấn lưu sau đó sẽ cập nhật vào cơ sở dữ liệu.

### d. Chức năng tạo mới phim và tạo mới lịch chiếu

Người dùng chọn "Film" trên thanh navbar.

- Giao diện hiện là danh sách Film, bên cạnh có nút xóa đồ ăn và bên trên có nút thêm mới.

Người dùng chọn chức năng năng xóa:

1. Hệ thống hiện lên và hỏi người dùng có chắc muốn xóa không. Người dùng chọn 'có" thực hiên và xóa danh mục.

Người dùng chọn chức năng thêm mới:

2. Hệ thống hiện lên giao diện tạo mới gồm ô nhập dữ liệu các film.Nhập và ấn lưu sẽ thêm vào cơ sở dữ liệu

Người dùng chọn chức năng sửa:

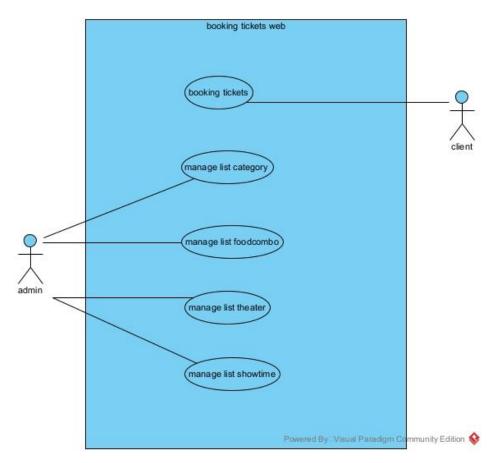
3. Hệ thống hiện lên các thông tin về film đã có. Người dùng sẽ thay đổi các thông tin muốn thay đổi và ấn lưu sau đó sẽ cập nhật vào cơ sở dữ liệu

Người dùng chọn chức năng "Xem lích chiếu":

- 4. Hệ thống hiện lên là danh sách lịch chiếu bên cạnh là nút sửa, xóa lịch chiếu bên trên là nút thêm mới
- 5. Người dùng chọn nút sửa để sửa dũ liệu lịch chiếu
- 6. Người dùng chọn nút xóa để xóa dữ liệu lịch chiếu
- 7. Chọn nút thêm mới để thêm lịch chiếu

### 2.4 Mô tả biểu đồ usecase

### 2.4.1 Usecase tổng quan cho toàn bộ hệ thống



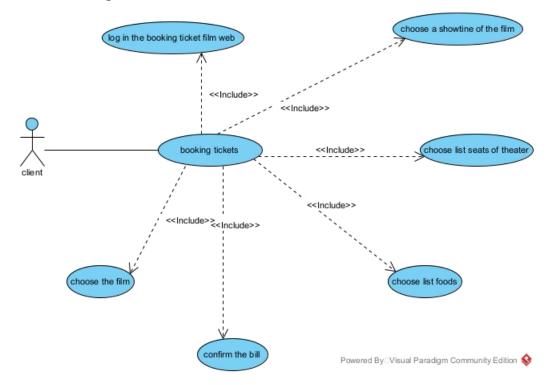
Hình 1 – Biểu đồ Usecase tổng quan

### Diễn giải:

- Các actor:
  - 1. Admin: quản trị viên hệ thống.
  - 2. Client: khách hàng vào web
- Các usecase:
  - 1. Booking tickets: cho phép đặt vé xem phim
  - 2. Manage list category: quản lý danh sách danh mục
  - 3. Manage list foodcombo: quản lý danh sách đồ ăn có trong rạp
  - 4. Manage list theater: quản lý danh sách rạp phim
  - 5. Manage list showtime: quản lý danh sách các lịch chiếu của một bộ phim.
- Hành động:
  - 1. Admin có thể tác động đến usecase Manage list category
  - 2. Admin có thể tác động đến usecase Manage list foodcombo
  - 3. Admin có thể tác động đến usecase Manage list theater
  - 4. Admin có thể tác động đến usecase Manage list showtime
  - 5. Client có thể tác động đến usecase Booking tickets.

### 2.4.2 Usecase chi tiết cho từng usecase con

#### a. Modul booking tickets

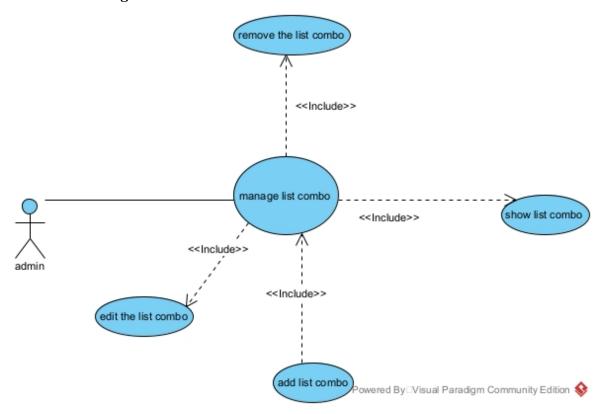


Hình 2 – Biểu đồ Usecase model booking tickets

- Actor:
  - Client : khách hang đang muốn đặt vé trong trang vé
- Usecase chính:
  - Booking tickets : chức năng giúp người dung có thể đặt vé.
- Các usecase con:
  - Log in the booking tickets film web :đăng nhập vào hệ thống đặt vé xem phim
  - Choose the film : chức năng chọn bộ phim
  - Confirm the bill : xác nhận đặt vé
  - Choose a showtime of the film : chọn một lịch chiếu phim trong danh sách lịch chiếu
  - Choose list seats of theater : chọn ghế trong rạp muốn chọn
  - Choose list foods : chọn các đồ ăn
- Mối quan hệ của các use case:
  - Quan hệ của choose the film với booking tickets là include
  - Quan hệ của confirm the bill với booking tickets là include
  - Quan hệ của choose a showtime of the film với booking tickets là include

- Quan hệ của choose list foods với booking tickets là include
- Quan hệ của log in the booking ticket film web và booking tickets là include
- Quan hệ của choose list of seats voi booking tickets là include.

#### b. Modul manage list combo

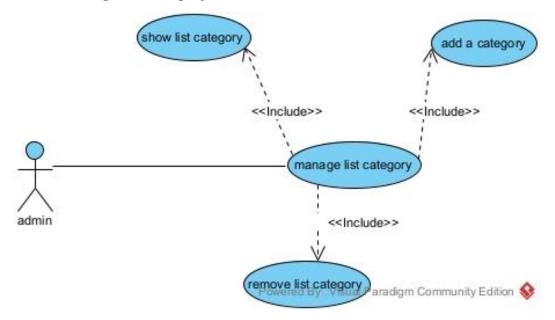


Hình 3 – Biểu đồ Usecase modul manage list combo

- Actor:
  - Admin: nhân viên quản trị có thể them sửa xoá các chức năng
- Usecase chính:
  - Manage list combo: quản lý các chức năng liên quan đến combo đồ ăn
- Các usecase con:
  - Edit the list combo: sửa danh sách combo
  - Add list combo: them danh sách combo.
  - Show list combo: hiển thị danh sách list combo
  - Remove the list combo: xoá danh sách combo
- Mối quan hệ giữa các use case:
  - Manage list combo với edit the list combo là include
  - Manage list combo với add list combo là include
  - Manage list combo với show list combo là include

• Manage list combo với remove the list combo là include

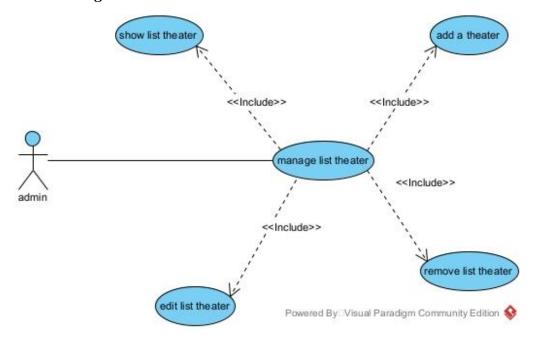
#### c. Module manage list category



Hình 4 – Biểu đô Usecase modul manage list category

- Actor:
  - Admin : nhân viên quản trị hệ thống
- Usecase chính:
  - Manage list category: quản lý chức năng liên quản thể loại phim
- Các usecase con:
  - Show list category : hiển thị các category
  - Add a category: them một danh mục mới
  - Remove list category: xoá một danh mục mới.
- Mối quan hệ của các usecase:
  - Mối quan hệ của manage list category và Show list category là include
  - Mối quan hệ của manage list category và Add a category là include
  - Mối quan hệ của manage list category và Remove list category là include

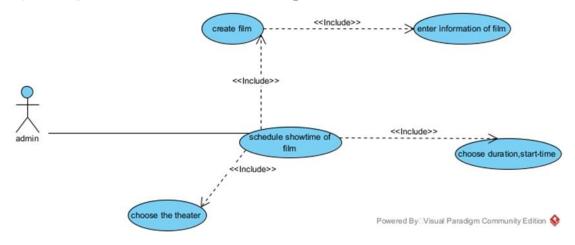
#### d. Module manage list theater



Hình 5 – Biểu đồ Usecase modul manage list theater

- Actor:
  - Admin : nhân viên quản trị
- Usecase chính:
  - Manage list theater: quản lý danh sách theater;
- Các usecase con :
  - Edit a theater : sửa một rạp phim
  - Add a theater : thêm một rạp phim
  - Show list theater: xem danh sách rap phim
  - Remove a theater : xoá một phim
- Mối quan hệ của các usecase :
  - Mối quan hệ của Manage list theater và Edit a theater là include
  - Mối quan hệ của Manage list theater và Add a theater là include
  - Mối quan hệ của Manage list theater và Show list theater là include
  - Mối quan hệ của Manage list theater và Remove a theater là include

### e. Quản lý phim và lịch chiếu của các bộ phim đó



Hình 6 – Biểu đồ Usecase Quản lý phim và lịch chiếu của các bộ phim

- Actor chính:
  - Admin: nhân viên quản trị
- Usecase chính:
  - Schedule showtime of film : lên lich chiếu cho bộ phim
- Các usecase con:
  - Create film: tạo một bộ phim mới
  - Enter information of film: nhập các thông tin của film
  - Choose the theater: chon rap
  - Choose the duration, start time chọn thời gian chiếu và thời lượng
- Mối quan hệ của các usecase:
  - Mối quan hệ của schedule showtime of film và choose the theater là incldue
  - Mối quan hệ của schedule showtime of film và Choose the duration, start time là include.
  - Mối quan hệ của schedule showtime of film Enter information of film là include
  - Mối quan hệ của Enter information of film và Create film là include.

### 2.5 Kịch bản chuẩn và ngoại lệ

### 2.5.1 Kịch bản chuẩn cho modul đặt vé của khách hàng

Actor	Client: khách hàng sử dụng web
Pre-condition	Khách hàng có quyền đăng nhập vào hệ thống
Post-condition	Khách hàng đặt vé thành công
Main events	1. Khách hàng nhập username, password vào khu vực login

- 2. Hệ thống báo đăng nhập thành công và hiển thị trang home.
- + Bên trên là thanh navbar( chuyển các
- + Phía dưới là header
- + Bên dưới header là các phim đang được khởi chiếu xếp thành một hàng có slide bar trượt
- + Bên duới là các phim sắp khởi chiếu người xem có thể xem trainer
- + Tiếp theo là khu vực khuyến mãi
- + Footer ở cuối trang
  - 3. Người dùng chọn một bộ phim trong khu đang được khởi chiếu
  - 4. Hệ thống hiện lên giao diện gồm các lịch chiếu bộ phim vửa được chon
- + Bên trái là danh sách lịch chiếu
- + Bển trái là lịch để chọn ngày
  - 5. Người dùng chọn lịch chiếu xong. Và ấn click vào lịch chiếu muốn chọn
  - 6. Hệ thống hiện lên giao diện chọn ghế.
- + Bên trái là các ghế. Nếu ghế nào đã được chọn thì sẽ có màu đỏ và không thể chọn được.
- + Bên phải là giá tiền ứng với các ghế đã được chọn và nút " tiếp"
  - 7. Người dùng chọn ghế và ấn tiếp
  - 8. Hệ thống hiện lên danh sách đồ ăn,
- + Danh sach đồ ăn được ở bên trái và có nút cho người dùng chọn
- + Bên phải là tổng tiền và nút "tiếp"
  - 9. Người dùng chọn đồ ăn và ấn tiếp
  - 10. Giao diện hiện lên là tổng số đồ ăn và ghế, tổng giá tiền và nút thanh toán
  - 11. Người dùng xác nhận thanh toán
  - 12. Hệ thống hiện lên hỏi người dùng có muốn thanh toán hay không
  - 13. Người dùng xác nhận
  - 14. Hệ thống thông báo thành công và hiển -thị mail về cho người dùng.

Exception	2. Hệ thống báo đăng nhập không thành công
	2.1 Người dùng nhập sai username password
	2.1.1 Người dùng nhập lại username, password
	2.1.2 Hệ thống đăng nhập thành công
	2.2 Người dùng quên username, password
	2.2.1 Người dùng chọn chức năng quên mật khẩu, và nhập email vào
	2.2.2 Hệ thống thông báo cho người dùng vào email để lấy lại mật khẩu
	2.2.3 Người dùng check và đăng nhập hệ thống thành công
	6. Hệ thống hiện lên danh sách ghế nhưng không còn ghế nào trống.
	6.1 Người dùng lựa chọn bộ phim ở rạp khác hoặc chọn bộ phim khác.

# 2.5.2 Kịch bản chuẩn cho usecase thêm lịch chiếu

Actor	Admin nhân viên quản trị
Pre-condition	Nhân viên quản trị đăng nhập vào hệ thống
Post-condition	Nhân viên quản trị thành công tạo mới lịch chiếu:
Main events	1. Nhân viên quản trị đăng nhập vào hệ thống
	2. Hệ thống hiện lên màn hình dành cho nhân viên quản trị
	3. Nhân viên quản trị chọn vào chức năng "quản lý phim" trên thanh navbar
	4. Hiển thị danh sách các bộ phim
	+ Giao diện hiện lên là danh sách bộ phim cùng với các hành động " xem lịch chiếu", "sửa", " xoá"
	5. Người dùng chọn chức năng "xem lịch chiếu".
	6. Hệ thống hiện lên danh sách các lịch chiếu, phía trên là nút thêm mới
	7. Người dùng ấn nút thêm mới.
	8. Hệ thống hiện lên một popup:
	+ Phía trên là lựa chọn khung giờ chiếu
	+ Bên dười là lựa chọn rạp chiếu.

	9. Người dùng chọn giờ chiều và rạp chiếu và ấn click save Hệ thống thông báo thêm thành công lịch chiếu mới.
7.5	,
Main events	10. Nhân viên quản trị đăng nhập vào hệ thống
	11. Hệ thống hiện lên màn hình dành cho nhân viên quản trị
	12. Nhân viên quản trị chọn vào chức năng "quản lý phim" trên thanh navbar
	13. Hiển thị danh sách các bộ phim
	+ Giao diện hiện lên là danh sách bộ phim cùng với các hành động "xem lịch chiếu", "sửa", "xoá"
	14. Người dùng chọn chức năng " xem lịch chiếu".
	15. Hệ thống hiện lên danh sách các lịch chiếu, phía trên là nút thêm mới
	16. Người dùng ấn nút thêm mới.
	17. Hệ thống hiện lên một popup:
	+ Phía trên là lựa chọn khung giờ chiếu
	+ Bên dười là lựa chọn rạp chiếu.
	18. Người dùng chọn giờ chiều và rạp chiếu và ấn click save
	19. Hệ thống thông báo thêm thành công lịch chiếu mới.
Exception	4. hệ thống không hiển thị danh sách phim nào cả do chưa có bộ phim nào cả do đó người dùng không thể dùng chức năng "xem lịch chiếu"
	4.1 người dùng tiến hành ấn thêm mới bộ phim
	4.2 hệ thống hiện lên giao diện gồm
	+ Trường tên phim
	+ Trường thời lượng
	+ Trưởng ảnh
	+ Trường link video trainer
	+ Trường tên đạo diễn
	+ Trường diễn viên
	+ Trường lưu ý
	+ Trường thể loại
	4.3 Người dùng ấn và nhập đầy đủ các trường
	4.4 Hệ thông thông báo tạo thêm phim thành công.

# 2.5.3 Kịch bản chuẩn cho usecase quản lý category

Actor	Admin: nhân viên quản trị hệ thống
Pre-condition	Admin có quyền đăng nhập vào hệ thống
Post-condition	Admin thực hiện xong các chức năng liên quan đến quản lý category
Main events	1. Admin đăng nhập vào hệ thống
	2. Hệ thống hiện lên là một thanh navbar có các chức năng của admin
	3. Người dùng chọn vào chức năng "thể loại"
	4. Hệ thống hiện lên danh sách các thể loại. Tại đây người dùng có thể thực hiện các chức năng thêm, sửa, xoá danh mục.
	5. Người dùng chọn chức năng thêm mới
	6. Hệ thống hiện lên thanh pop-up để nhập dữ liệu
	7. Người dùng nhập và ấn enter
	8. Hệ thống thông báo thành công
	9. Admin chọn chức năng sửa
	10. Hệ thống hiện lên thanh pop-up và các thông tin trước đó
	11. Người dùng chọn sửa lại các thông tin cần thiết và ấn lưu
	12. Hệ thống thông báo thành công
	13. Người dùng chọn chức năng xoá
	14. Hệ thống hỏi xác nhận các có xoá chức năng không
	15. Người dùng xác nhận
	16. Hệ thống hiển thị thông báo thành công xoá một danh mục
Exception	15. Người dùng không ấn xác nhận
	15.1 Hệ thống thoát khỏi chức năng xoá

# 2.5.4 Kịch bản chuẩn cho usecase quản lý theater

Actor	Nhân viên quản trị (admin)
Pre-condition	Nhân viên quản trị có chưa đăng nhập hệ thống
Post-condition	Nhân viên quản trị thực hiện thành công chức năng theater
Main events	<ol> <li>Nhân viên quản trị thực hiện đăng nhập vào hệ thống</li> <li>Hệ thống hiện lên thanh navbar với các chức năng của admin</li> <li>Admin chọn vào chức năng " quản lý rạp phim"</li> <li>Hệ thống hiện lên trang quản lý rạp phim với danh sách các rạp phim</li> </ol>

<ol> <li>Hệ thống cho phép thực hiện các chức năng "thêm", "sửa", " xoá" các rạp phim</li> </ol>
6. Admin chọn chức năng " thêm"
<ol> <li>Hệ thống hiển thị lên giao diện một pop-up gồm các trường thông tin cần nhập của thêm rạp</li> </ol>
8. Admin nhập các thông tin cần thiết và ấn lưu
9. Hệ thống hiển thị thành công
10. Admin chọn chức năng "xoá"
11. Hệ thống hiện lên thông báo có chắc chắn muốn xoá không
12. Admin chọn có
13. Hệ thống xác nhận xoá thành công
14. Admin chọn chức năng "chỉnh sửa"
15. Hệ thống hiện lên rạp phim với các thông tin trước đó
16. Admin thay đổi và ấn lưu
17. Hệ thống thông báo thành công

# 2.5.5 Kịch bản chuẩn cho usecase quản lý foodcombo

T .	
Actor	Admin : nhân viên quản trị hệ thống
Pre-condition	Admin chưa đăng nhập hệ thống
Post-condition	Admin thực hiện thành công các chức năng của quản lý foodcombo
Main events	1. Nhân viên đăng nhập vào hệ thống
	2. Hệ thống hiện lên giao diện trang quản lý
	3. Người dùng chọn chức năng " quản lý đồ ăn"
	4. Hệ thống hiện thị các danh sách đồ ăn
	<ol> <li>Hệ thống cho phép thực hiện các chức năng "thêm", "sửa", " xoá" các đồ ăn</li> </ol>
	6. Admin chọn chức năng " thêm"
	7. Hệ thống hiển thị lên giao diện một pop-up gồm các trường thông tin cần nhập của thêm đồ ăn.
	8. Admin nhập các thông tin cần thiết và ấn lưu.
	9. Hệ thống hiển thị thành công
	10. Admin chọn chức năng "xoá"
	11. Hệ thống hiện lên thông báo có chắc chắn muốn xoá không
	12. Admin chọn có
	13. Hệ thống xác nhận xoá thành công

14. Admin chọn chức năng " chỉnh sửa"
15. Hệ thống hiện lên đồ ăn với các thông tin trước đó
16. Admin thay đổi và ấn lưu
17. Hệ thống thông báo thành công

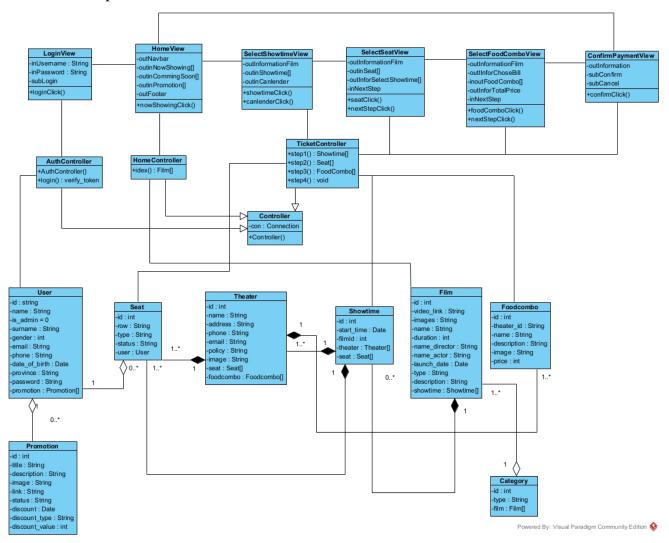
### CHƯƠNG 3. THIẾT KẾ HỆ THỐNG

### 3.1 Lớp thiết kế cho từng usecase

### 3.1.1 Lớp thiết kế cho module đặt vé của khách hàng

- loginView: kiểm tra đăng nhập vào hệ thống
  - Thực hiện hàm login()
  - Input (username,password)
  - Output: verify-token
  - Gán cho lớp User
- Homeview: hiển thị trang home
  - Thực hiện hàm index()
  - Input: thực hiện chọn vào một bộ phim
  - Output: hiển thị trang SelectShowtimeView
  - Gán cho lớp Film
- SelectShowtimeView: hiển thị trang chọn phim chiếu
  - Thực hiện hàm step1()
  - Input đầu vào lịch chiếu và ngày tương ứng
  - Tham số đầu ra: hiển thị trang SelectSeatView
  - Gán cho lớp Showtime
- SelectSeatView: hiển thị các hàng ghế
  - Thực hiện hàm step2()
  - Tham số đầu vào là dữ liệu trang bộ phim được chọn
  - Out put hiện ra là dữ liệu các hàng ghế
  - Gán cho lớp Seat
- SelectFoodComboView: hiện thị trang đồ ăn:
  - Thực hiện hàm step3()
  - Tham số đầu vào là dữ liệu đồ ăn đã chọn
  - Output là dữ hiện trang ConfirmPaymentView
  - Gán cho lớp FoodCombo
- confirmPaymentview : hiện thị giao diện trang confirm
  - Thực hiện hàm step4()

- Tham số đầu vào là các đồ ăn, lịch chiếu, giá đã chọn
- Output

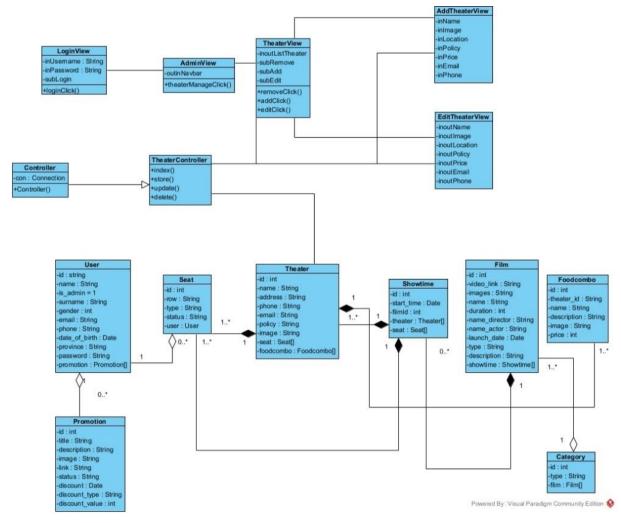


Hình 7 – Lớp thiết kế cho module đặt vé của khách hàng

#### 3.1.2 Biểu đồ thiết kế CSDL

- LoginView: kiểm tra xem đã đăng nhập được chưa
- Adminview: hiển thị ra giao diện admin
- TheaterView: hiển thị giao diện xem theater
  - Thực hiện hàm index(): hiển thị toàn bộ theater
  - Input
  - Output: một danh sách theater
  - Gán cho lớp thực thể theater
  - Có thể thực hiện hàm delete() để xoá một theater
- AddTheaterView: hiển thị giao diện trang thêm mới theater
  - Thực hiện hàm store(): để thêm mới một theater

- Input: dữ liệu theater cần tạo mới
- Output: là danh sách theater mới sau khi thêm
- Gán cho lớp thực thể theater
- EditTheaterView: hiển thị giao diện trang sửa theater
  - Thực hiện hàm update(): để cập nhật một theater
  - Input: dữ liệu theater cần cập nhật
  - Output: danh sách theater mới sau khi cập nhât
  - Gán cho lớp thực thể theater.

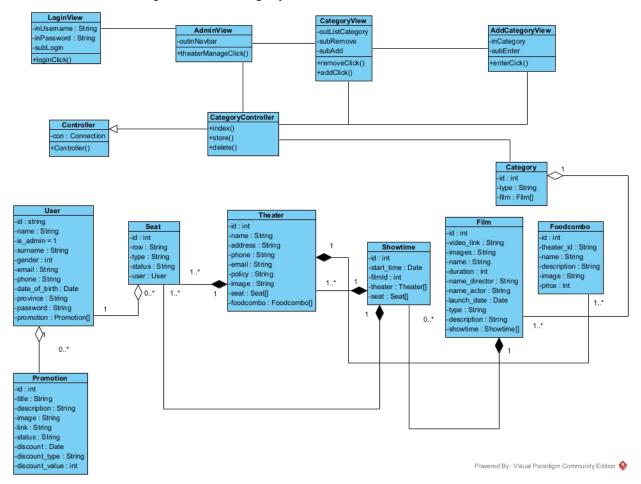


Hình 8 – Thiết kế lớp chi tiết cho modul

### 3.1.3 Thiết kế lớp chi tiết cho module quản lý category

- LoginView là giao diện đăng nhập, nó cần một ô nhập văn bản để nhập tên đăng nhập (username), một ô nhập văn bản để nhập mật khẩu (password), và một nút để đăng nhập.
- AdminView: hiển thị ra giao diện admin.
- CategoryView: hiển thị giao diện xem category.

- Thực hiện hàm index(): hiển thị toàn bộ category.
- Input.
- Output: một danh sách category.
- Gán cho lớp thực thể category.
- Có thể thực hiện hàm delete() để xoá một category.
- AddCategoryView: hiển thị giao diện trang thêm mới category.
  - Thực hiện hàm store(): để thêm mới một category.
  - Input: dữ liệu category cần tạo mới.
  - Output: là danh sách category mới sau khi thêm.
  - Gán cho lớp thực thể category.

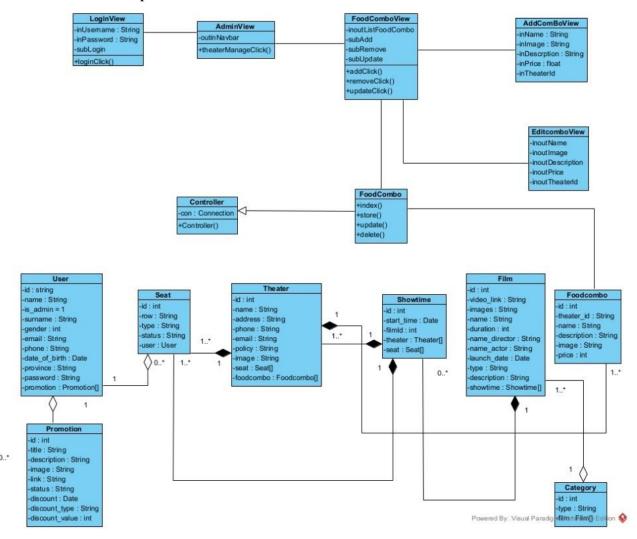


Hình 9 – Thiết kế lớp chi tiết cho module quản lý category

### 3.1.4 Thiết kế lớp chi tiết cho module quản lý foodcombo

- LoginView là giao diện đăng nhập, nó cần một ô nhập văn bản để nhập tên đăng nhập (username), một ô nhập văn bản để nhập mật khẩu (password), và một nút để đăng nhập.
- AdminView: hiển thị ra giao diện admin.

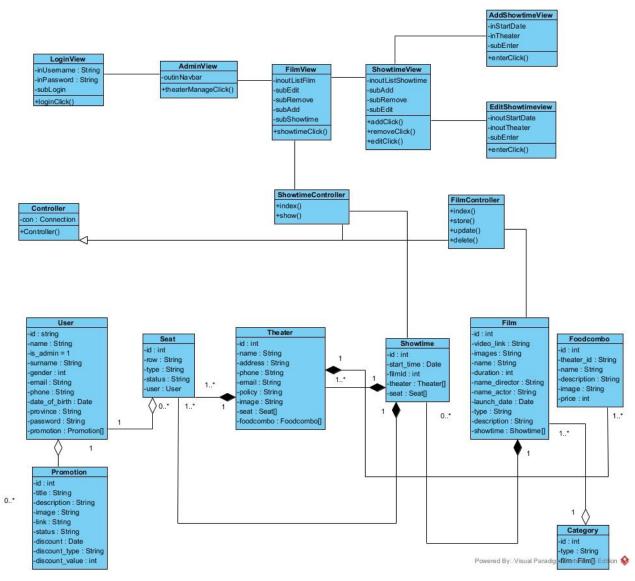
- FoodComboView: hiển thị giao diện xem foodcombo.
  - Thực hiện hàm index(): hiển thị toàn bộ foodcombo.
  - Input.
  - Output: một danh sách foodcombo.
  - Gán cho lớp thực thể foodcombo.
  - Có thể thực hiện hàm delete() để xoá một foodcombo.
- AddComboView: hiển thị giao diện trang thêm mới foodcombo.
  - Thực hiện hàm store(): để thêm mới một foodcombo.
  - Input: dữ liệu foodcombo cần tạo mới.
  - Output: là danh sách foodcombo mới sau khi thêm.
  - Gán cho lớp thực thể foodcombo.



Hình 10 - Thiết kế lớp chi tiết cho module quản lý foodcombo

### 3.1.5 Thiết kế lớp chi tiết cho module lên lịch chiếu

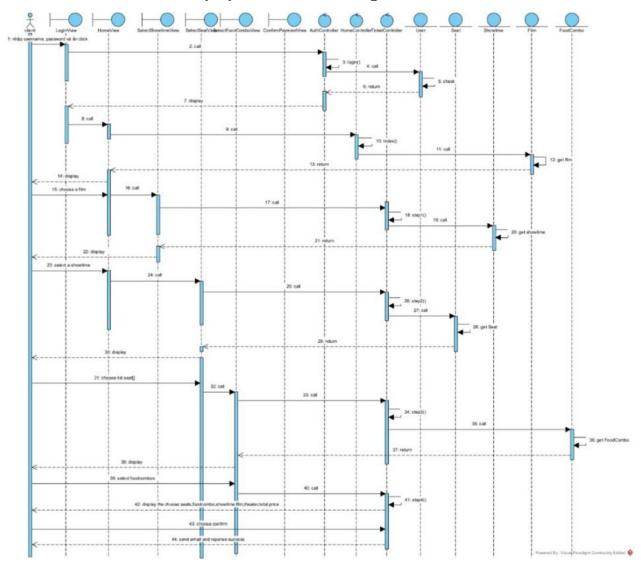
- LoginView là giao diện đăng nhập, nó cần một ô nhập văn bản để nhập tên đăng nhập (username), một ô nhập văn bản để nhập mật khẩu (password), và một nút để đăng nhập.
- AdminView: hiển thị ra giao diện admin.
- FilmView: hiển thị giao diện xem film.
  - Thực hiện hàm index(): hiển thị toàn bộ film.
  - Input.
  - Output: một danh sách film.
  - Gán cho lớp thực thể film.
  - Có thể thực hiện hàm delete() để xoá một film.
- ShowTimeView: hiển thị giao diện xem showtime.
  - Thực hiện hàm index(): hiển thị toàn bộ showtime.
  - Input.
  - Output: một danh sách showtime.
  - Gán cho lớp thực thể showtime.
  - Có thể thực hiện hàm delete() để xoá một showtime.
- AddShowtimeView: hiển thị giao diện trang thêm mới showtime.
  - Thực hiện hàm store(): để thêm mới một showtime.
  - Input: dữ liệu showtime cần tạo mới.
  - Output: là danh sách showtime mới sau khi thêm
  - Gán cho lớp thực thể showtime.
- EditShowtimeView: hiển thị giao diện trang sửa showtime.
  - Thực hiện hàm update() : để cập nhật một showtime
  - Input: dữ liệu showtime cần cập nhật.
  - Output: danh sách showtime mới sau khi cập nhât
  - Gán cho lớp thực thể showtime



Hình 11 – Thiết kế lớp chi tiết cho module lên lịch chiếu

## 3.2 Biểu đồ tuần tự pha thiết kế của modul

### 3.2.1 Thiết kế sơ đồ tuần tự đặt vé của khách hàng



Hình 12 – Sơ đồ tuần tự đặt vé của khách hàng

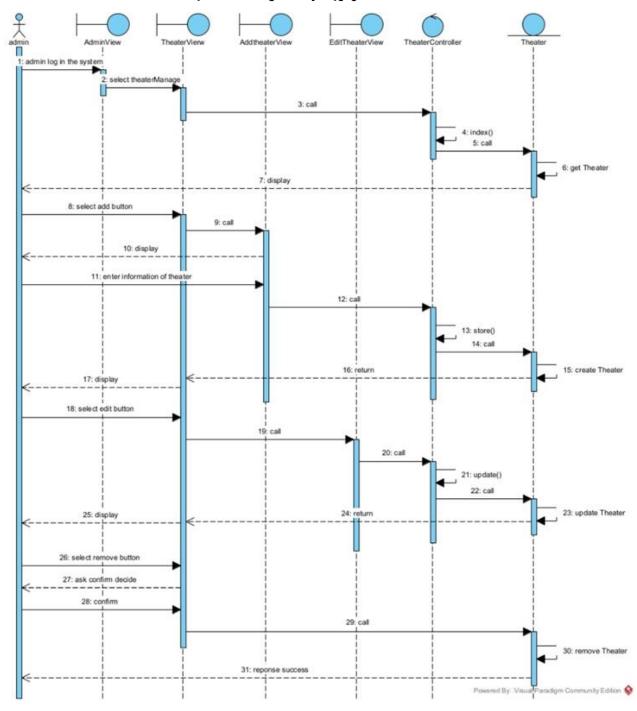
### Diễn giải:

- 1. Client nhập username, password và ấn click
- 2. Trang LoginView gọi đến AuthController
- 3. Thực hiện hàm login()
- 4. Hệ thống gọi đến lớp thực thể User
- 5. Thực thể kiểm tra lớp thực thể User
- 6. Trả về cho lớp Auth Controller
- 7. Hiển thị về giao diện Login View
- 8. Thực hiện gọi trag HomeView
- 9. Gọi đến HomeController

- 10. HomeController thực hiện làm index()
- 11. Gọi đến lớp thực thể Film
- 12. Tại đây trả về dang sách film
- 13. Hiển thị trả lại cho trang HomeView
- 14. Trang HomeView hiển thị lại cho Client
- 15. Tiến hành chọn một bộ phim
- 16. Trang HomeView gọi đến trang SelectShowtimeView
- 17. Gọi đến TicketController
- 18. Thực hiện hàm step1()
- 19. Gọi đến lớp thực thể Showtime
- 20. Tại lớp thực thể lấy tất cả Showtime hiện ra
- 21. Trả về cho trang SelectShowtimeView
- 22. Hiển thị cho client
- 23. Chon môt showtime
- 24. Gọi đến trang SelectSeatView
- 25. Gọi đến Controller TicketController
- 26. Thực hiển step2()
- 27. Gọi đến lớp thực thể Seat
- 28. Tại đây lấy dữ lieu
- 29. Trả về dữ liệu SelectSeatView
- 30. Hiển thị cho Client
- 31. Chọn một danh sách các ghế
- 32. Trang SelectSeatView gọi đến trang SelectfoodComboView
- 33. Gọi đến Ticket Controller
- 34. Thực hiện hàm stpe3()
- 35. Gọi đến lớp thực thể Foodcombo
- 36. Lấy dữ liệu tại lớp thực thể FoodCombo
- 37. Trả lại dữ liệu cho lớp SelectFoodCombo
- 38. Hiển thị cho client
- 39. Chọn các đồ ăn tại trang SelectFoodCombo
- 40. Trang SelectFoodcombo gọi đến TicketController

- 41. Thực hiện hàm step4()
- 42. Hiển thị các thông tin về ghế, danh sách thức ăn, giờ chiếu, phim, rạp phim, giá tiền và yêu cầu xác nhận
- 43. Khách hàng chọn xác nhận
- 44. Hiển thị cho khách hàng thành công.

### 3.2.2 Thiết kế sơ đồ tuần tự module quản lý rạp phim



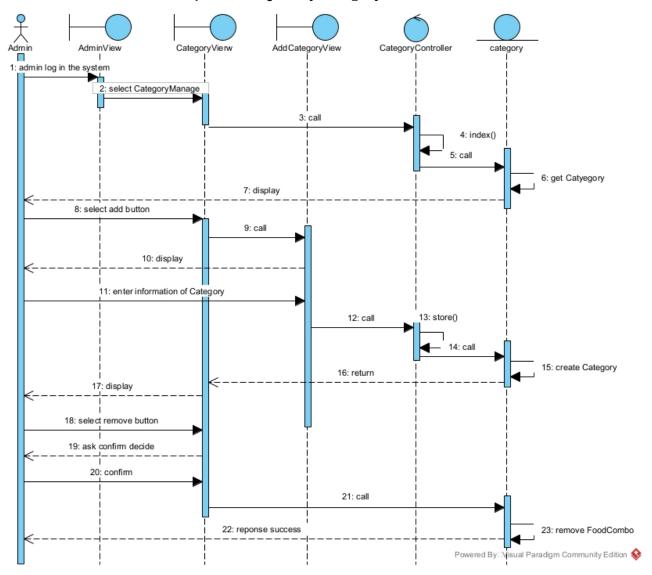
Hình 13 – Sơ đồ tuần tự module quản lý rạp phim

### Diễn giải:

1. Admin đăng nhập vào hệ thống

- 2. Chọn quản lý rạp phim trên trang AdminView
- 3. Gọi đến trang TheaterControlelr
- 4. Thực hiện hàm index()
- 5. TheaterController gọi đến lớp thực thể Theater
- 6. Thực hiện lấy dữ liệu ở thực thể theater
- 7. Hiện thị giao diện admin
- 8. Chọn nút thêm trên trang giao diện ở trang TheaterView
- 9. TheaterView gọi giao diện AddTheaterView
- 10. Trang AddTheaterView hiển thị lại cho Admin
- 11. Nhập thông tin của theater
- 12. Trang AddTheaterView thực hiện gọi đến TheaterController
- 13. Tại đây thực hiện hàm store()
- 14. Goi đến thực thể theater
- 15. Tại đây lưu lại theater vào cơ sở dữ liệu
- 16. Hiển thị vào trang TheaterView
- 17. Hiển thị giao diện trang admin
- 18. Chon nút edit
- 19. Trang theaterView gọi đến trang EditTheaterView
- 20. Thực hiện gọi đến TheaterController
- 21. Thực hiện update()
- 22. Thực hiện gọi lớp Theater
- 23. Thực hiện cập nhật vào lớp thực thể Theater
- 24. Hiển thị giao diện về cho trang TheaterView
- 25. Hiện thị giao diện cho admin
- 26. Chon nút xoá
- 27. Hệ thống hỏi xác nhận
- 28. Yêu cầu xác nhận
- 29. Thực hiện đến thực thể Theater
- 30. Tiến hành xoá theater
- 31. Thông báo thành công

### 3.2.3 Thiết kế sơ đồ tuần tự module quản lý category



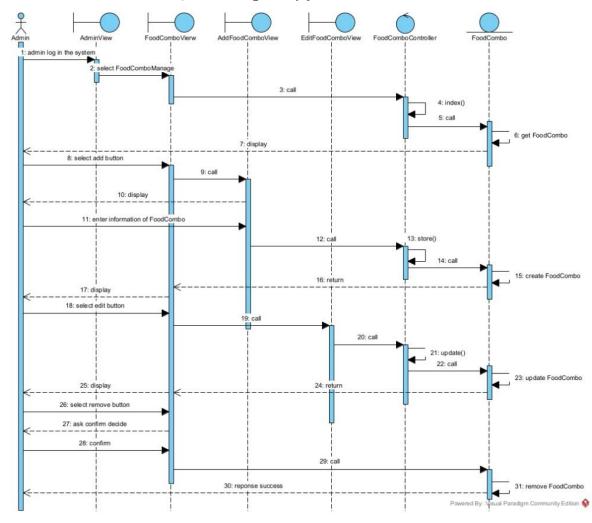
Hình 14 – 2.3 Thiết kế sơ đồ tuần tự module quản lý category

### Diễn giải:

- 1. Admin đăng nhập vào hệ thống
- 2. Admin chọn chức năng quản lý Category
- 3. Trang Category gọi đến CategoryController
- 4. Thực hiện gọi hàm index()
- 5. Thực hiện gọi đến thực thể Category
- 6. Lớp thực hiện hàm index
- 7. Trả về cho lớp admin
- 8. Chọn nút thêm trên trang CategoryView
- 9. Lớp CategopyView gọi đến trang giao diện AddCategoryVierw
- 10. Hiển thị cho admin

- 11. Nhập thông tin của Category
- 12. Gọi đến CategoryController
- 13. Thực hiện hàm store()
- 14. Lớp CategoryController gọi đến lớp thực thể Category
- 15. Tiến hành thêm một Category
- 16. Hiển thị lại cho trang Category View
- 17. Hiển thị lại cho admin
- 18. Chọn nút remove
- 19. Hỏi xác nhận
- 20. Admin xác nhân
- 21. Trang FoodCombo gọi đến lớp thực thể FoodCombo
- 22. Thực hiện việc xoá đồi tượng FoodCombo
- 23. Hiển thị thành công

### 3.2.4 Thiết kế sơ đồ tuần tự module quản lý foodcombo



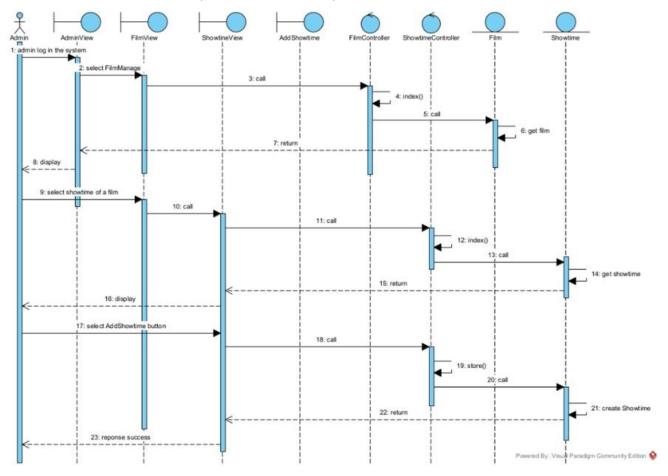
Hình 15 – Thiết kế sơ đồ tuần tự module quản lý foodcombo

### Diễn giải:

- 1. Admin đăng nhập vào hệ thống
- 2. Chọn chức năng quản lý foodcombo
- 3. Trang FoodComboview gọi lớp FoodComboController
- 4. Thực hiện hàm index()
- 5. Gọi đến lớp thực thể FoodCombo
- 6. Lấy ra thực thể Foodcombo
- 7. Hiển thị vè cho admin
- 8. Chọn nút thêm mới
- 9. Lớp FoodComboView gọi đến trang giao diện AddFoodCombo
- 10. Hiển thị cho admin
- 11. Nhập thông tin của FoodCombo
- 12. Goi đến FoodComboController
- 13. Thực hiện hàm store()
- 14. Lớp FoodComboController gọi đến lớp thực thể FoodCombo
- 15. Tiến hành thêm một FoodCombo
- 16. Hiển thị lại cho trang FoodComboView
- 17. Hiển thi lai cho admin
- 18. Chon lua chon edit
- 19. Trang FoodComboView gọi đến trang EditFoobCombo
- 20. Trang EditFoodComboview gọi đến FoodComboController
- 21. Tại đây thực hiện hàm update()
- 22. FoodComboController gọi đến lớp thực thẻ FoodCombo
- 23. Tại đây cập nhật lại FoodCombo vào cơ sở dữ liệu
- 24. Hiển thị cho trang FoodComboView
- 25. Hiển thị lại cho trang Admin
- 26. Chon nút remove
- 27. Hỏi xác nhân
- 28. Admin xác nhân
- 29. Trang FoodCombo gọi đến lớp thực thể FoodCombo
- 30. Thực hiện việc xoá đồi tượng FoodCombo

## 31. Hiển thị thành công.

## 3.2.5 Thiết kế sơ đồ tuần tự cho module lên lịch chiếu



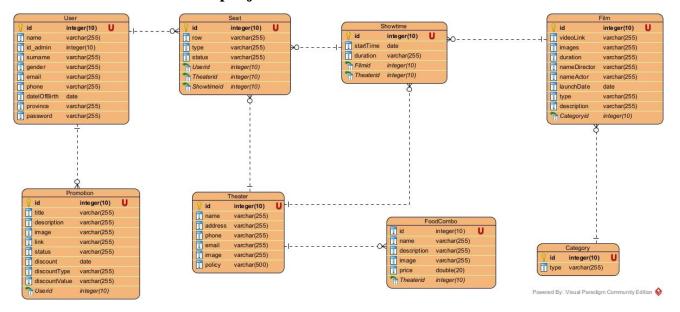
Hình 16 – Thiết kế sơ đồ tuần tự cho module lên lịch chiếu

# Diễn giải:

- 1. Admin đăng nhập vào hệ thống
- 2. Tiến hành chọn chức năng FilmManage
- 3. Trang AdminView gọi lớp filmView
- 4. Gọi đến FilmController
- 5. Thực hiện gọi đến thực thể Film
- 6. Tiến hành lấy các film trong cơ sở dữ liệu
- 7. Trả về cho trang AdminView
- 8. Hiển thị lại cho Admin
- 9. Chọn chức năng xem lịch chiếu của một bộ phim
- 10. Lớp FilmView gọi đến trang ShowtimeView
- 11. Trang ShowtimeView gọi đến ShowtimeController
- 12. Thực hiện hàm index()

- 13. Hàm index() gọi đến thực thể Showtime
- 14. Thực hiện lấy các showtime
- 15. Trả dữ liệu về cho giao diện trang Showtime View
- 16. Hiển thị lại về cho Admin
- 17. Chọn nút thêm mới Showtime
- 18. Lóp ShowtimeView gọi ShowtimeController
- 19. Thực hiện hàm store()
- 20. Goi đến thực thể Showtime
- 21. Cập nhật vào cơ sở dữ liệu
- 22. Hiển thị vào trang ShowtimeView
- 23. Hiển thị thông báo thành công.

# 3.3 Thiết kế database cho project

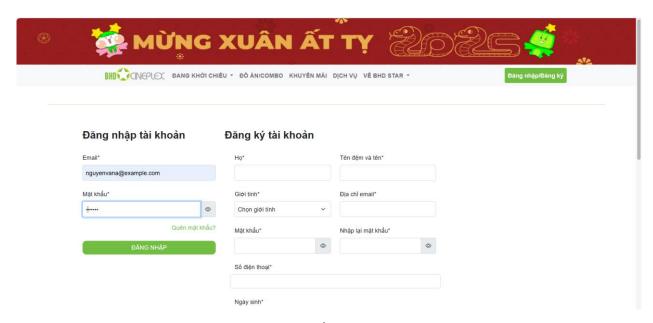


Hình 17 – Database

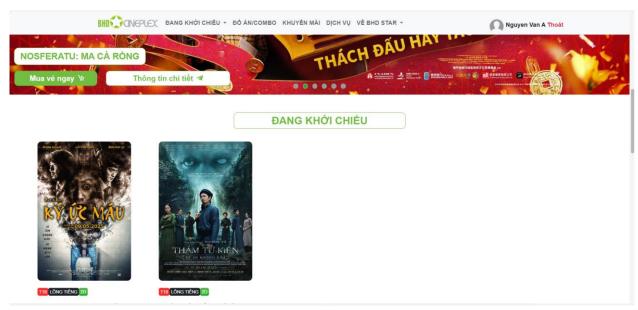
# CHƯƠNG 4. CÀI ĐẶT VÀ THỬ NGHIỆM HỆ THỐNG

# 4.1 Modul booking tickets

Khách hàng đăng nhập vào hệ thống:



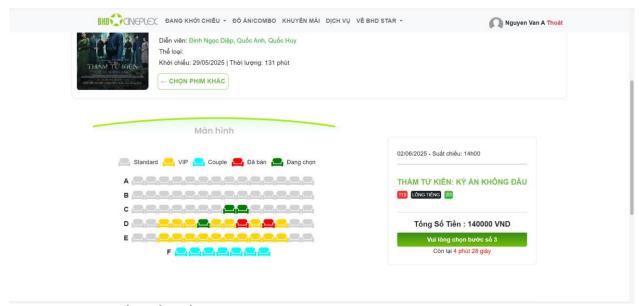
Khách hàng đăng nhập thành công vào hệ thống, giao diện trang chủ hiện lên:



Người dùng chọn một bộ phim và hệ thống hiện lên giao diện đặt vé:



Người dùng chọn lịch chiếu xong. Và ấn click vào lịch chiếu muốn chọn:



Người dùng chọn ghế và ấn tiếp



Người dùng chọn đồ ăn sau đó chọn "Thanh toán":



Ấn thanh toán và gửi mail xác thực cho người dùng:



#### Xin chào Van A, chúc mừng bạn đã mua vé thành công với các thông tin:

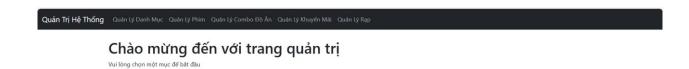


### 4.2 Modul manage list foodcombo

Nhân viên quản trị đăng nhập vào hệ thống:



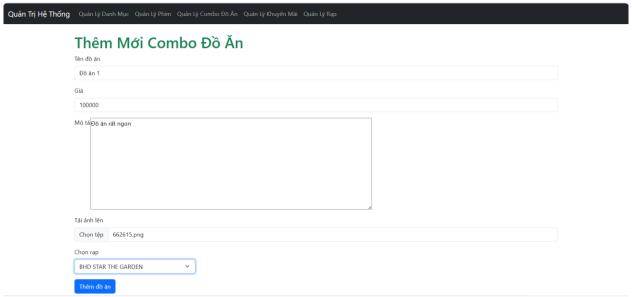
Hệ thống hiện lên màn hình dành cho nhân viên quản trị:



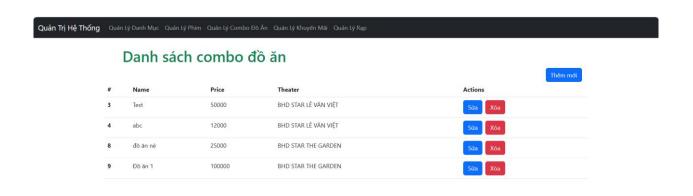
Nhân viên chọn chức năng "quản lý combo đồ ăn":



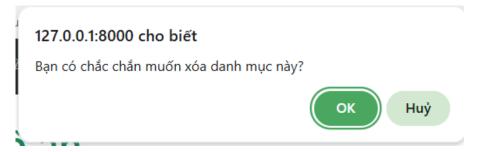
Nhân viên chọn chức năng " thêm mới" và điền các thông tin:



Hệ thống hiển thị thành công:



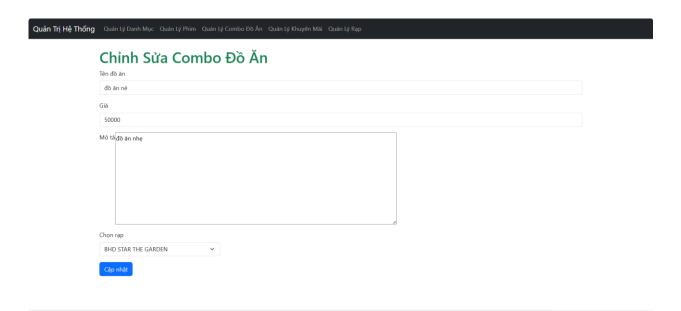
Nhân viên chọn chức năng "xoá" hệ thống hiện lên popup xác nhận:



Nhân viên chọn có:



Nhân viên chọn chức năng "sửa":



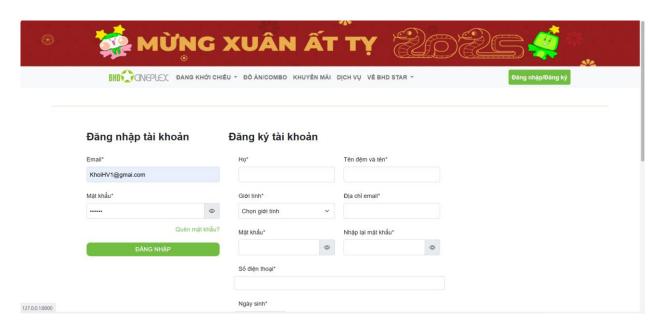
Hệ thống hiện lên đồ ăn với các thông tin trước đó:



Thực hiện sửa thành công

# 4.3 Module manage list category:

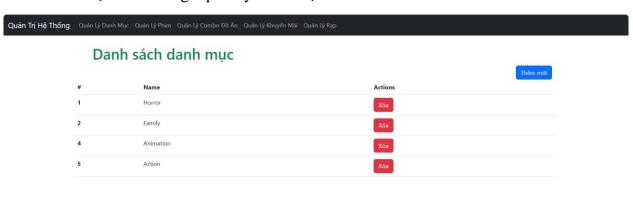
Nhân viên quản trị đăng nhập vào hệ thống:



Hệ thống hiện lên màn hình dành cho nhân viên quản trị:



Nhân viên chọn chức năng "quản lý danh mục":



# Hệ thống hiện lên danh sách các thể loại:



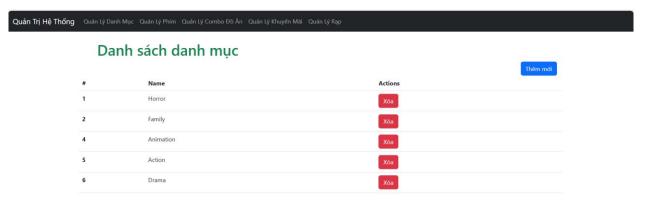
## Nhân viên nhập thông tin và nhấn lưu:

# 127.0.0.1:8000 cho biết

Thêm thể loại thành công



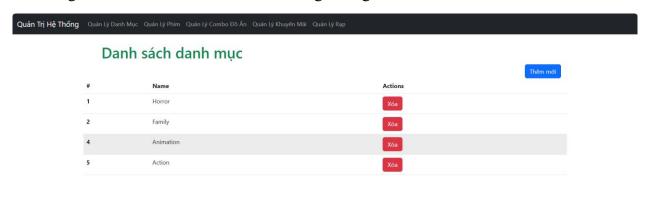
## Hệ thống hiện lên thông báo thêm thành công:



Nhân viên chọn chức năng xóa:



Hệ thống hỏi xác nhận các có xoá chức năng không:



Hệ thống xóa một danh mục thành công

#### 4.4 Module manage list theater:

Nhân viên quản trị đăng nhập vào hệ thống:



Hệ thống hiện lên màn hình dành cho nhân viên quản trị:

#### Chào mừng đến với trang quản trị

Vui lòng chọn một mục để bắt đầu

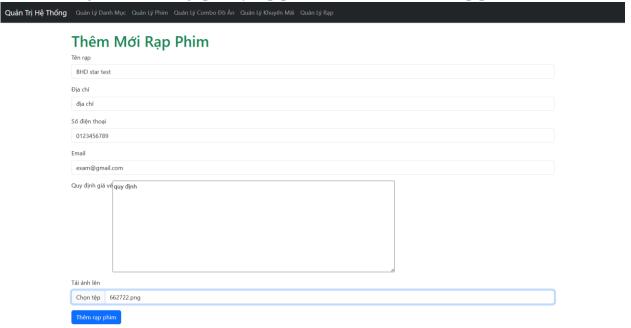
#### Nhân viên chọn chức năng "quản lý rạp":

Quản Trị Hệ Thống Quản Lý Danh Mục Quản Lý Phim Quản Lý Combo Đồ Ẩn Quản Lý Khuyến Mãi Quản Lý Rạp

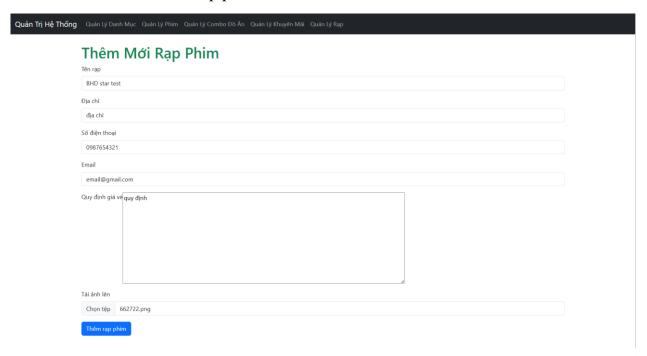
#### Danh sách rạp phim



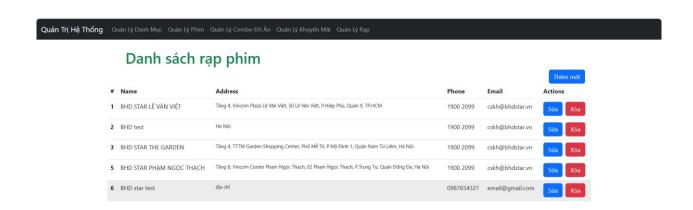
Hệ thống hiện lên trang quản lý rạp phim với danh sách các rạp phim:



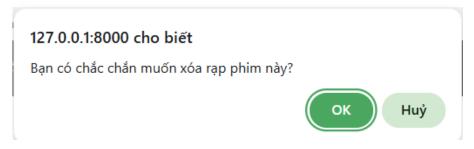
Nhân viên chọn thêm mới rạp phim:



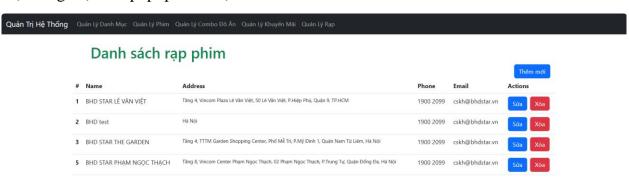
Nhân viên điền thông tin và nhấn thêm rạp phim:



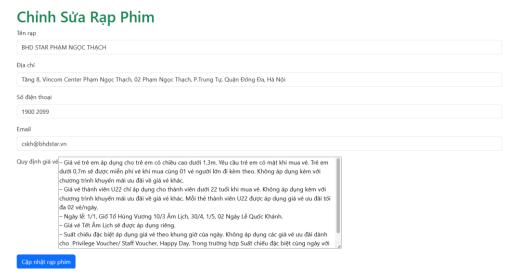
## Hệ thống hiển thị thành công



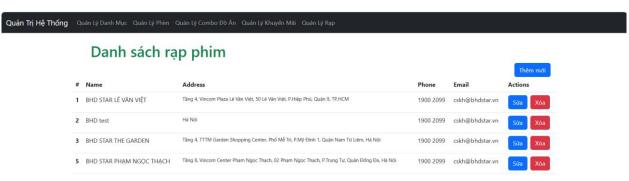
Hệ thống hiện lên popup xác nhận và nhân viên nhấn vào ok:



Hệ thống hiện lên xóa thành công:



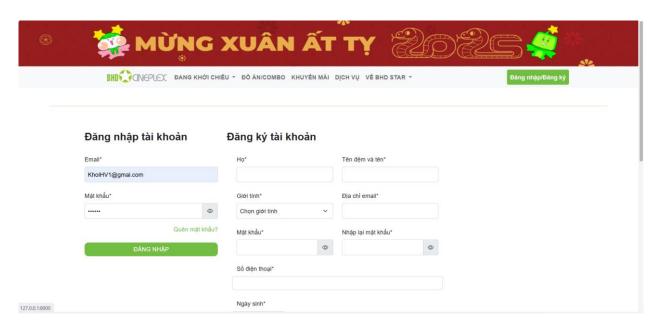
Nhân viên chọn vào nút chỉnh sửa và điền thông tin và nhấn cập nhật:



Hệ thống cập nhật thành công

## 4.5 Quản lý phim và lịch chiếu của các bộ phim đó:

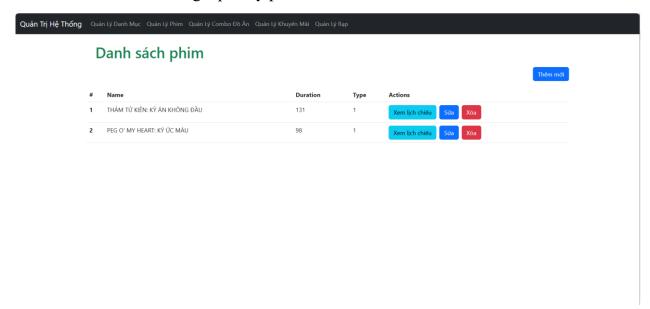
Nhân viên quản trị đăng nhập vào hệ thống:



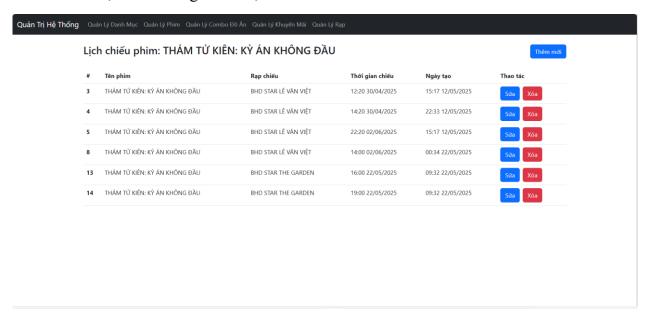
Hệ thống hiện lên màn hình dành cho nhân viên quản trị:



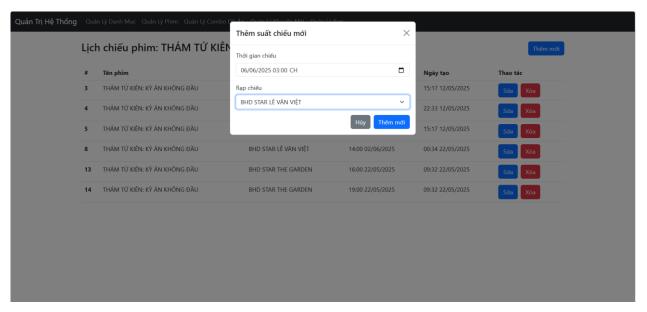
Nhân viên chọn chức năng "quản lý phim":



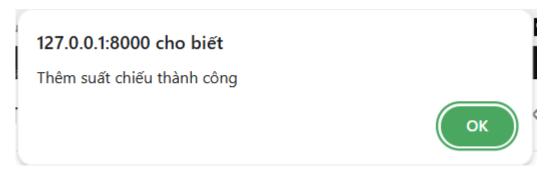
Nhân viên chọn chức năng "xem lịch chiếu":



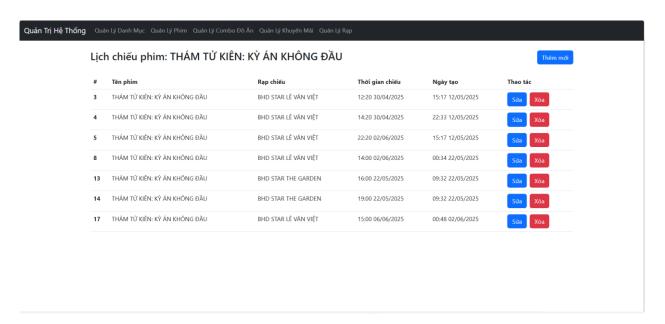
Hệ thống hiện lên danh sách các lịch chiếu:



Nhân viên nhập thông tin và nhấn nút thêm mới:



Hệ thống hiện lên thêm suất chiếu thành công:



Giao diện sau khi thêm suất chiếu thành công